SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO ĐĂK NÔNG
TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN CHÍ THANH

THI THỬ ĐẠI HỌC LẦN 3
NĂM HỌC 2018 - 2019

BẢNG ĐIỂM XÉT THỬ NGHIỆM TỐT NGHIỆP THPT QUỐC GIA NĂM 2019

STT	Mã Hs		Họ đệm	Tên	Lớp	GT	Toán	Văn	Anh	KHTN			KHXH			TBM tổ hợp	Theo khối thi						TB HKI	KK Nghề	ƯT	Xét TN theo năm 2019
										Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa	GD CD		A	A1	B	C	D1	MAX				
1	VA16202	0162	NGUYỄN THỊ	TRANG	12VA	Nữ	7,5	8,5	8,5				4,5	9	7	6,83	7,50	16,00	7,50	22,00	24,50	**24,50**	8,4	1,50	0,25	8,52
2	AN16121	0161	TRẦN THỊ BÍCH	NGỌC	12AN	Nữ	7,5	8,75	8	8	5	4,5				5,83	20,50	23,50	17,00	8,75	24,25	**24,25**	8,8	2,00	0,25	8,50
3	TO16139	0161	HOÀNG THỊ HỒNG	NHUNG	12TO	Nữ	8	6,75	9	8	6	4,5				6,17	22,00	25,00	18,50	6,75	23,75	**25,00**	8,8	2,00	0,25	8,48
4	AN16143	0161	ĐẶNG THỊ	OANH	12AN	Nữ	7,5	8,75	8,5	6,5	4	5,5				5,33	18,00	22,50	17,00	8,75	24,75	**24,75**	8,6	2,00	0,25	8,44
5	AN16194	0161	LÊ THỊ THU	TRANG	12AN	Nữ	7	9	8				3,5	8,5	8	6,67	7,00	15,00	7,00	21,00	24,00	**24,00**	8	2,00	0,25	8,37
6	AN16110	0161	VŨ THỊ HOÀN	MỸ	12AN	Nữ	7	8,5	8,5	7,5	4,5	4,5				5,50	19,00	23,00	16,00	8,50	24,00	**24,00**	8,5	2,00	0,25	8,31
7	AN16027	0160	NGUYỄN THỊ THÙY	DUNG	12AN	Nữ	7,5	8,25	9	6	3	4,5				4,50	16,50	22,50	15,00	8,25	24,75	**24,75**	8,5	2,00	0,25	8,27
8	AN16106	0161	NGUYỄN THỊ NGỌC	MY	12AN	Nữ	8,5	5,5	9,5	7	5	4				5,33	20,50	25,00	17,50	5,50	23,50	**25,00**	8,7	2,00	0,25	8,26
9	AN16039	0160	VŨ XUÂN	ĐỒNG	12AN	Nam	7	7,75	9				5	7	6,5	6,17	7,00	16,00	7,00	19,75	23,75	**23,75**	8	2,00	0,25	8,24
10	VA16052	0160	VŨ THỊ HỒNG	HẢI	12VA	Nữ	7,5	8,25	7,5				6	8	7	7,00	7,50	15,00	7,50	22,25	23,25	**23,25**	7,8	2,00	0,25	8,23
11	AN16193	0161	PHẠM LÊ KHÁNH	TRANG	12AN	Nữ	5	7,25	9,5				4	7	7	6,00	5,00	14,50	5,00	18,25	21,75	**21,75**	9,2	2,00	0,25	8,22
12	VA16061	0160	NGUYỄN THỊ THÚY	HIỀN	12VA	Nữ	7	8,5	8				4	7	6,5	5,83	7,00	15,00	7,00	19,50	23,50	**23,50**	8,2	2,00	0,25	8,19
13	SI16011	0160	NGUYỄN HUỆ LAN	ANH	12SI	Nữ	7	7,75	7,5	8	5	5,5				6,17	20,00	22,50	17,50	7,75	22,25	**22,50**	8,5	2,00	0,25	8,12
14	HO16117	0161	NGUYỄN THỊ THU	NGHĨA	12HO	Nữ	8,5	5,5	6	6,5	8	6				6,83	23,00	21,00	22,50	5,50	20,00	**23,00**	9,4	2,00	0,25	8,12
15	AN16233	0162	TRẦN KHẮC	VƯƠNG	12AN	Nam	7,5	7,5	8				5	8	6,5	6,50	7,50	15,50	7,50	20,50	23,00	**23,00**	7,8	2,00	0,25	8,10
16	SI16062	0160	VŨ THỊ	HIỀN	12SI	Nữ	7	7,75	7	9	5	5,5				6,50	21,00	23,00	17,50	7,75	21,75	**23,00**	8,5	2,00	0,25	8,09
17	TO16228	0162	TRỊNH LÊ	VI	12TO	Nữ	9	6,5	7	8	3,5	3,5				5,00	20,50	24,00	16,00	6,50	22,50	**24,00**	8,6	2,00	0,25	7,99
18	TO16217	0162	PHẠM THANH	TÚ	12TO	Nam	8	5	9	8	4,5	4				5,50	20,50	25,00	16,50	5,00	22,00	**25,00**	8,5	2,00	0,25	7,96
19	AN16021	0160	HUỲNH MINH	CHÂU	12AN	Nữ	7	7	7,5				5,5	6,5	7	6,33	7,00	14,50	7,00	19,00	21,50	**21,50**	8,2	2,00	0,25	7,93
20	AN16031	0160	PHẠM THỊ MAI	DUYÊN	12AN	Nữ	6,5	6,75	9				4	7	6	5,67	6,50	15,50	6,50	17,75	22,25	**22,25**	8	2,00	0,25	7,89
21	SI16018	0160	LÊ THỊ NGỌC	ÁNH	12SI	Nữ	6,5	6,5	6	6	7	8,5				7,17	19,50	18,50	22,00	6,50	19,00	**22,00**	9,3	1,50	0,25	7,88
22	HO16220	0162	VŨ NGỌC	TUẤN	12HO	Nam	7,5	4,5	8	4	7,5	5				5,50	19,00	19,50	20,00	4,50	20,00	**20,00**	9,3	2,00	0,25	7,85
23	TO16002	0160	NGUYỄN LÊ THANH	AN	12TO	Nữ	8,5	5,75	8	6,5	5	3				4,83	20,00	23,00	16,50	5,75	22,25	**23,00**	8,3	2,00	0,25	7,83
24	TO16154	0161	HUỲNH NGỌC DIỄM	QUỲNH	12TO	Nữ	7,5	6	6,5	5,5	7	7				6,50	20,00	19,50	21,50	6,00	20,00	**21,50**	8,6	2,00	0,25	7,82
25	TI16092	0160	NGUYỄN THỊ HOÀNG	LAN	12TI	Nữ	6	8	6				4,5	8	8	6,83	6,00	12,00	6,00	20,50	20,00	**20,50**	8,6	1,50	0,25	7,79
26	TO16234	0162	LÊ DẠ THẢO	VY	12TO	Nữ	8	6,5	5,5	9	5,5	4,5				6,33	22,50	22,50	18,00	6,50	20,00	**22,50**	8,6	2,00	0,25	7,79
27	VA16017	0160	NGUYỄN THỊ TRÂM	ANH	12VA	Nữ	6,5	8	7				5,5	7	6,5	6,33	6,50	13,50	6,50	20,50	21,50	**21,50**	8	1,50	0,25	7,78
28	AN16079	0160	LÊ THỊ THU	HUYỀN	12AN	Nữ	7,5	7	7,5	7,5	4	4				5,17	19,00	22,50	15,50	7,00	22,00	**22,50**	8,3	1,50	0,25	7,76
29	HO16235	0162	TRƯƠNG HOÀNG	Ý	12HO	Nữ	8,5	7	5	10	7,5	3,5				7,00	26,00	23,50	19,50	7,00	20,50	**26,00**	8,1	1,50	0,25	7,76
30	AN16133	0161	ĐINH THỊ YẾN	NHI	12AN	Nữ	6,5	7,5	8				2,5	7	6,5	5,33	6,50	14,50	6,50	17,00	22,00	**22,00**	7,9	2,00	0,25	7,75
31	LY16074	0160	TRẦN THỊ KIM	HUÊ	12LY	Nữ	6,5	8,25	7				3,5	7	6,5	5,67	6,50	13,50	6,50	18,75	21,75	**21,75**	7,8	2,00	0,25	7,74
32	AN16104	0161	TRẦN THỊ TRÚC	MAI	12AN	Nữ	6,5	6,5	9				2,5	7	6	5,17	6,50	15,50	6,50	16,00	22,00	**22,00**	7,9	2,00	0,25	7,72
33	TO16063	0160	ĐỖ HUY	HIỆP	12TO	Nam	9	6,75	7	6,5	3,5	3,5				4,50	19,00	22,50	16,00	6,75	22,75	**22,75**	8,1	1,50	0,25	7,71
34	AN16058	0160	NGUYỄN THỊ MINH	HẠNH	12AN	Nữ	6	7,25	8				4	6,5	7,5	6,00	6,00	14,00	6,00	17,75	21,25	**21,25**	7,7	2,00	0,25	7,68
35	TO16049	0160	PHẠM THỊ THU	HÀ	12TO	Nữ	7,5	7,5	5	5,5	5	6				5,50	18,00	18,00	18,50	7,50	20,00	**20,00**	8,7	2,00	0,25	7,67
36	VA16206	0162	PHẠM THỊ THÙY	TRANG	12VA	Nữ	6,5	8,5	5				6,5	8,5	5	6,67	6,50	11,50	6,50	23,50	20,00	**23,50**	8	2,00	0,25	7,67
37	VA16075	0160	ĐINH THỊ	HUỆ	12VA	Nữ	6,5	8,25	3				8	9,5	8	8,50	6,50	9,50	6,50	25,75	17,75	**25,75**	8,2	2,00	0,25	7,65

STT	Mã Hs		Họ đệm	Tên	Lớp	GT	Toán	Văn	Anh	KHTN			KHXH			TBM tổ hợp	Theo khối thi						TB HKI	KK Nghề	ƯT	Xét TN theo năm 2019
										Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa	GDCD		A	A1	B	C	D1	MAX				
38	VA16051	0160	DƯƠNG THỊ PHƯỢNG	HÀ	12VA	Nữ	6,5	8,25	5,5				6,5	8	5,5	6,67	6,50	12,00	6,50	22,75	20,25	**22,75**	7,8	2,00	0,25	7,65
39	TI16098	0160	HUỲNH THỊ MAI	LINH	12TI	Nữ	7,5	8,25	4				4	6,5	8,5	6,33	7,50	11,50	7,50	18,75	19,75	**19,75**	8,5	1,50	0,25	7,63
40	AN16047	0160	NGUYỄN THỊ BÍCH	HÀ	12AN	Nữ	6	7	8				2,5	6,5	7	5,33	6,00	14,00	6,00	16,00	21,00	**21,00**	8	2,00	0,25	7,61
41	SI16094	0160	BÙI THỊ KIM	LIÊN	12SI	Nữ	6,5	7,75	6	8	4,5	4,5				5,67	19,00	20,50	15,50	7,75	20,25	**20,50**	8,2	2,00	0,25	7,60
42	HO16086	0160	BÙI LAN	HƯƠNG	12HO	Nữ	5,5	8,25	3				8	7,5	6	7,17	5,50	8,50	5,50	23,75	16,75	**23,75**	9,3	2,00	0,25	7,58
43	SI16109	0161	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	12SI	Nữ	6,5	7,25	6	4,5	4	5,5				4,67	15,00	17,00	16,00	7,25	19,75	**19,75**	9,3	1,50	0,25	7,58
44	VA16093	0160	PHAN THỊ MỸ	LỆ	12VA	Nữ	6	8,25	6				5	6,5	6,5	6,00	6,00	12,00	6,00	19,75	20,25	**20,25**	7,9	2,00	0,25	7,56
45	HO16224	0162	LÊ NGỌC HOÀNG	UYÊN	12HO	Nữ	7,5	6,5	5,5	7	7	4,5				6,17	21,50	20,00	19,00	6,50	19,50	**21,50**	8,2	2,00	0,25	7,55
46	VA16142	0161	NGUYỄN HỒ KIỀU	NINH	12VA	Nữ	5,5	8,25	5				3,5	7	6,5	5,67	5,50	10,50	5,50	18,75	18,75	**18,75**	9,2	1,50	0,25	7,55
47	VA16004	0160	NGUYỄN THỊ NGỌC	ANH	12VA	Nữ	6,5	8,25	5,5				5	8,5	6,5	6,67	6,50	12,00	6,50	21,75	20,25	**21,75**	7,7	1,50	0,25	7,53
48	VA16203	0162	TRẦN THỊ HUYỀN	TRANG	12VA	Nữ	5	8,5	4,5				7,5	9	6,5	7,67	5,00	9,50	5,00	25,00	18,00	**25,00**	9,3		0,25	7,53
49	TO16102	0161	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LY	12TO	Nữ	7	6	6,5	8,5	4	5,5				6,00	19,50	22,00	16,50	6,00	19,50	**22,00**	8,2	2,00	0,25	7,52
50	SI16169	0161	NGUYỄN THỊ DẠ	THANH	12SI	Nữ	7	8	5				4	7	6	5,67	7,00	12,00	7,00	19,00	20,00	**20,00**	8,1	2,00	0,25	7,52
51	TO16034	0160	NGUYỄN TẤN	ĐẠT	12TO	Nam	8,5	4,75	7	7,5	5,5	6				6,33	21,50	23,00	20,00	4,75	20,25	**23,00**	8,7		0,25	7,51
52	HO16157	0161	HOÀNG NGỌC	SÂM	12HO	Nữ	8,5	4	8	5	7,5	6,5				6,33	21,00	21,50	22,50	4,00	20,50	**22,50**	8,5		0,25	7,50
53	HO16189	0161	VÕ THỊ THỦY	TIÊN	12HO	Nữ	8	6	4	7,5	8,5	4,5				6,83	24,00	19,50	21,00	6,00	18,00	**24,00**	8,5	2,00	0,25	7,50
54	AN16134	0161	TRẦN PHƯƠNG	NHI	12AN	Nữ	5,5	6	8				5	7	8,5	6,83	5,50	13,50	5,50	18,00	19,50	**19,50**	7,6	2,00	0,25	7,49
55	TI16013	0160	NGUYỄN THỊ LAN	ANH	12TI	Nữ	7,5	7,25	5,5	6,5	5	5				5,50	19,00	19,50	17,50	7,25	20,25	**20,25**	7,9	2,00	0,25	7,48
56	AN16095	0160	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	12AN	Nữ	8		9,5				5,5	9	8,5	7,67	8,00	17,50	8,00	14,50	17,50	**17,50**	8,5	1,50	0,25	7,47
57	TO16213	0162	PHẠM ĐỨC	TRỌNG	12TO	Nam	7,5	3,25	5,5	8,5	7,5	4,5				6,83	23,50	21,50	19,50	3,25	16,25	**23,50**	9,4	2,00	0,25	7,46
58	VA16192	0161	CAO THỊ HUYỀN	TRANG	12VA	Nữ	7,5	7,25	6				4,5	7,5	7,5	6,50	7,50	13,50	7,50	19,25	20,75	**20,75**	8		0,25	7,42
59	VA16016	0160	NGUYỄN THỊ KIM	ANH	12VA	Nữ	6,5	8	4,5				5,5	7,5	6,5	6,50	6,50	11,00	6,50	21,00	19,00	**21,00**	8,1	1,50	0,25	7,41
60	SI16070	0160	ĐỖ THỊ THU	HOÀI	12SI	Nữ	7,5	6,5	4,5	6	5	6				5,67	18,50	18,00	18,50	6,50	18,50	**18,50**	8,5	2,00	0,25	7,38
61	TO16010	0160	LÊ HỒNG	ANH	12TO	Nữ	7,5	7	4,5	6,5	6	5				5,83	20,00	18,50	18,50	7,00	19,00	**20,00**	8,4	1,50	0,25	7,38
62	AN16001	0160	ĐỖ THIỆN	AN	12AN	Nam	7	4,25	7,5	7	5	4,5				5,50	19,00	21,50	16,50	4,25	18,75	**21,50**	8,4	2,00	0,25	7,36
63	TO16029	0160	TRƯƠNG THỊ THÙY	DUNG	12TO	Nữ	8	6,5	4	6	5	4,5				5,17	19,00	18,00	17,50	6,50	18,50	**19,00**	8,7	2,00	0,25	7,35
64	AN16064	0160	BÙI THỊ MINH	HIẾU	12AN	Nữ	7	4,75	9,5	6,5	3,5	4,5				4,83	17,00	23,00	15,00	4,75	21,25	**23,00**	8,4		0,25	7,33
65	TO16231	0162	HUỲNH THIÊN	VŨ	12TO	Nam	7,5	5	7	5	8,5	5				6,17	21,00	19,50	21,00	5,00	19,50	**21,00**	7,6	1,50	0,25	7,28
66	VA16188	0161	ĐOÀN THỊ MINH	THƯ	12VA	Nữ	6,5	8	6				6	7	7	6,67	6,50	12,50	6,50	21,00	20,50	**21,00**	7,6		0,25	7,28
67	HO16137	0161	PHAN THỊ THẢO	NHI	12HO	Nữ	6,5	5,75	5	5,5	6,5	7				6,33	18,50	17,00	20,00	5,75	17,25	**20,00**	8,4	2,00	0,25	7,25
68	HO16037	0160	NGUYỄN ĐĂNG	ĐỊNH	12HO	Nam	7,5	4,25	6,5	6,5	7	4,5				6,00	21,00	20,50	19,00	4,25	18,25	**21,00**	8	2,00	0,25	7,24
69	TO16035	0160	NGÔ TIẾN	ĐẠT	12TO	Nam	9	2,5	6	8,5	6,5	3,5				6,17	24,00	23,50	19,00	2,50	17,50	**24,00**	8,5	1,50	0,25	7,20
70	TO16068	0160	ĐẶNG VĂN XUÂN	HIẾU	12TO	Nam	8	6	4	6,5	7,5	4				6,00	22,00	18,50	19,50	6,00	18,00	**22,00**	8,3	1,50	0,25	7,20
71	VA16019	0160	TRƯƠNG THỊ NGỌC	ÁNH	12VA	Nữ	5,5	7,5	4,5				5	7	7,5	6,50	5,50	10,00	5,50	19,50	17,50	**19,50**	7,9	2,00	0,25	7,17
72	HO16043	0160	DƯƠNG THỊ NGÂN	GIANG	12HO	Nữ	5,5	7,25	5,5	7	6	3,5				5,50	18,50	18,00	15,00	7,25	18,25	**18,50**	8	2,00	0,25	7,16
73	SI16141	0161	VÕ LÂM HIẾU	NHƯ	12SI	Nữ	7,5	7	3	5	6	6				5,67	18,50	15,50	19,50	7,00	17,50	**19,50**	8,3	2,00	0,25	7,14
74	HO16080	0160	NGUYỄN THỊ NGỌC	HUYỀN	12HO	Nữ	5,5	6,75	5	6,5	6,5	7				6,67	18,50	17,00	19,00	6,75	17,25	**19,00**	8,1	1,50	0,25	7,13
75	AN16105	0161	DƯƠNG THỊ THÙY	MINH	12AN	Nữ	5,5	6,5	6,5				4	6	5,5	5,17	5,50	12,00	5,50	16,50	18,50	**18,50**	7,9	2,00	0,25	7,11
76	AN16165	0161	PHẠM VĂN	THÁI	12AN	Nam	5,5	6,5	8				5	6,5	7	6,17	5,50	13,50	5,50	18,00	20,00	**20,00**	7,6		0,25	7,11
77	TI16214	0162	VŨ ĐỨC	TRUNG	12TI	Nam	6,5	5,75	4,5	6,5	4	4,5				5,00	17,00	17,50	15,00	5,75	16,75	**17,50**	9,3	1,50	0,25	7,11
78	VA16103	0161	PHẠM THỊ	LÝ	12VA	Nữ	6	8	3				4,5	8,5	7,5	6,83	6,00	9,00	6,00	21,00	17,00	**21,00**	7,7	2,00	0,25	7,08
79	AN16209	0162	PHẠM NGỌC	TRÂM	12AN	Nữ	7,5	5,75	6,5	5,5	2,5	3				3,67	15,50	19,50	13,00	5,75	19,75	**19,75**	7,9	2,00	0,25	7,07

STT	Mã Hs		Họ đệm	Tên	Lớp	GT	Toán	Văn	Anh	KHTN			KHXH			TBM tổ hợp	Theo khối thi						TB HKI	KK Nghề	ƯT	Xét TN theo năm 2019
										Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa	GDCD		A	A1	B	C	D1	MAX				
80	HO16036	0160	PHẠM HỒNG	ĐĂNG	12HO	Nam	6	5,25	4	6,5	6	4,5				5,67	18,50	16,50	16,50	5,25	15,25	**18,50**	9,3	2,00	0,25	7,05
81	VA16205	0162	TRỊNH THỊ THU	TRANG	12VA	Nữ	5,5	7	6				5	5	6	5,33	5,50	11,50	5,50	17,00	18,50	**18,50**	7,8	1,50	0,25	7,02
82	TO16201	0162	NGUYỄN LÂM HUYỀN	TRANG	12TO	Nữ	7,5	4,75	4,5	5,5	6	6,5				6,00	19,00	17,50	20,00	4,75	16,75	**20,00**	8,1	2,00	0,25	7,01
83	SI16097	0160	MAI THỊ DIỆU	LINH	12SI	Nữ	7	6,75	5	5,5	3	5				4,50	15,50	17,50	15,00	6,75	18,75	**18,75**	7,8	2,00	0,25	7,01
84	SI16183	0161	NGUYỄN THỊ KIM	THƠ	12SI	Nữ	6	7,5	4,5				3	7	5,5	5,17	6,00	10,50	6,00	17,50	18,00	**18,00**	7,8	2,00	0,25	6,99
85	VA16176	0161	DƯƠNG THỊ PHƯƠNG	THẢO	12VA	Nữ	5	8	3,5				7	8,5	6,5	7,33	5,00	8,50	5,00	23,50	16,50	**23,50**	7,7	1,50	0,25	6,99
86	HO16210	0162	BÙI LÊ THẾ	TRÍ	12HO	Nam	7	6,75	3,5	5	6	7				6,00	18,00	15,50	20,00	6,75	17,25	**20,00**	7,7	2,00	0,25	6,98
87	TI16076	0160	LƯƠNG MẠNH	HÙNG	12TI	Nam	5,5	3	7,5	4,5	3,5	5,5				4,50	13,50	17,50	14,50	3,00	16,00	**17,50**	9,3	2,00	0,25	6,98
88	VA16170	0161	TRẦN THỊ	THANH	12VA	Nữ	3,5	8	6,5				2	6,5	5,5	4,67	3,50	10,00	3,50	16,50	18,00	**18,00**	9,2		0,25	6,98
89	TO16015	0160	NGUYỄN VÂN	ANH	12TO	Nữ	6	3,5	6,5	5	6	5,5				5,50	17,00	17,50	17,50	3,50	16,00	**17,50**	8,7	2,00	0,25	6,97
90	TO16182	0161	TRẦN VĂN	THÌN	12TO	Nam	7,5	2,75	7	7,5	2,5	4,5				4,83	17,50	22,00	14,50	2,75	17,25	**22,00**	8,3	2,00	0,25	6,95
91	HO16032	0160	HỒ MỸ	DUYÊN	12HO	Nữ	7	6,75	3,5	4,5	7	5,5				5,67	18,50	15,00	19,50	6,75	17,25	**19,50**	8,1	1,50	0,25	6,95
92	HO16041	0160	ĐẶNG ĐÌNH	ĐỨC	12HO	Nam	6	5,25	4,5	7,5	7	6				6,83	20,50	18,00	19,00	5,25	15,75	**20,50**	8	2,00	0,25	6,95
93	TI16038	0160	NGUYỄN THỊ	ĐỊNH	12TI	Nữ	5,5	7,75	3				7,5	8	5,5	7,00	5,50	8,50	5,50	23,25	16,25	**23,25**	7,9	1,50	0,25	6,95
94	LY16112	0161	NGUYỄN PHƯƠNG	NAM	12LY	Nam	7,5	3	3,5	7,5	7	4				6,17	22,00	18,50	18,50	3,00	14,00	**22,00**	9,4	2,00	0,25	6,95
95	TO16229	0162	PHAN LƯƠNG TƯỜNG	VI	12TO	Nữ	7,5	6,5	4,5	8	5	4,5				5,83	20,50	20,00	17,00	6,50	18,50	**20,50**	8,1		0,25	6,94
96	TO16218	0162	TRẦN THIỆN	TÚ	12TO	Nam	6,5	5	4	6	3	4,5				4,50	15,50	16,50	14,00	5,00	15,50	**16,50**	9,4	2,00	0,25	6,92
97	HO16185	0161	NGUYỄN THỊ THU	THỦY	12HO	Nữ	6,5	6,75	3	5	7,5	5				5,83	19,00	14,50	19,00	6,75	16,25	**19,00**	8,1	2,00	0,25	6,89
98	LY16180	0161	PHẠM THỊ	THE	12LY	Nữ	7,5	6,75	3,5	6	4,5	5				5,17	18,00	17,00	17,00	6,75	17,75	**18,00**	7,6	2,00	0,25	6,89
99	TO16040	0160	NGUYỄN TRỌNG	ĐỒNG	12TO	Nam	8	4	4	8	6	4,5				6,17	22,00	20,00	18,50	4,00	16,00	**22,00**	8,3	1,50	0,25	6,88
100	LY16174	0161	VŨ THỊ PHƯƠNG	THẢO	12LY	Nữ	6	5,5	5,5	7,5	4	4,5				5,33	17,50	19,00	14,50	5,50	17,00	**19,00**	7,9	2,00	0,25	6,88
101	SI16123	0161	THÂU THẾ THU	NGỌC	12SI	Nữ	4	8	3,5				5,5	9,5	7,5	7,50	4,00	7,50	4,00	23,00	15,50	**23,00**	7,8	1,50	0,25	6,88
102	SI16126	0161	LÊ THỊ	NGUYỀN	12SI	Nữ	5,5	6,75	4				5,5	7,5	6	6,33	5,50	9,50	5,50	19,75	16,25	**19,75**	7,7	2,00	0,25	6,86
103	VA16178	0161	NGUYỄN THỊ TIỂU	THẢO	12VA	Nữ	5,5	7,75	2,5				7	8	6,5	7,17	5,50	8,00	5,50	22,75	15,75	**22,75**	7,5	2,00	0,25	6,86
104	HO16108	0161	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	12HO	Nữ	7,5	5	3	7	6,5	5,5				6,33	21,00	17,50	19,50	5,00	15,50	**21,00**	8,1	2,00	0,25	6,85
105	TI16084	0160	CAO THỊ MỸ	HUYỀN	12TI	Nữ	5	7	3				7	7	7	7,00	5,00	8,00	5,00	21,00	15,00	**21,00**	8	2,00	0,25	6,85
106	LY16007	0160	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	12LY	Nữ	6	6	6	6,5	5	4				5,17	17,50	18,50	15,00	6,00	18,00	**18,50**	8,4		0,25	6,82
107	VA16144	0161	KIỀU THỊ	OANH	12VA	Nữ	6,5	6,5	4,5				4	6,5	6	5,50	6,50	11,00	6,50	17,00	17,50	**17,50**	7,3	2,00	0,25	6,82
108	HO16140	0161	TRẦN THỊ QUỲNH	NHƯ	12HO	Nữ	6	6,75	5	7	5,5	5,5				6,00	18,50	18,00	17,00	6,75	17,75	**18,50**	8		0,25	6,81
109	LY16025	0160	NGUYỄN DANH	CƯỜNG	12LY	Nam	7,5	4	2,5	8	5	4				5,67	20,50	18,00	16,50	4,00	14,00	**20,50**	9,2	2,00	0,25	6,80
110	LY16071	0160	TRẦN NGỌC	HOÀI	12LY	Nam	7,5	6	3,5	7	5	3,5				5,17	19,50	18,00	16,00	6,00	17,00	**19,50**	7,7	2,00	0,25	6,79
111	AN16085	0160	PHẠM HỮU	HƯNG	12AN	Nam	6,5	5	6,5	5,5	4,5	5				5,00	16,50	18,50	16,00	5,00	18,00	**18,50**	7,5	1,50	0,25	6,79
112	SI16008	0160	NGUYỄN THỊ MAI	ANH	12SI	Nữ	6	7	5	4	5	5,5				4,83	15,00	15,00	16,50	7,00	18,00	**18,00**	7,3	2,00	0,25	6,79
113	TO16190	0161	VƯƠNG MINH	TIẾN	12TO	Nam	8,5	3,25	4,5	7	5,5	3,5				5,33	21,00	20,00	17,50	3,25	16,25	**21,00**	8,3	1,50	0,25	6,78
114	LY16111	0161	PHẠM THU	MỸ	12LY	Nữ	6,5	6,25	5	6	5,5	4				5,17	18,00	17,50	16,00	6,25	17,75	**18,00**	7,5	1,50	0,25	6,77
115	TO16172	0161	TRỊNH VĂN	THÀNH	12TO	Nam	7	6,25	5	5	5	3,5				4,50	17,00	17,00	15,50	6,25	18,25	**18,25**	7,3	2,00	0,25	6,77
116	SI16175	0161	HỒ THẠCH	THẢO	12SI	Nữ	7	5	4	7,5	5,5	6				6,33	20,00	18,50	18,50	5,00	16,00	**20,00**	7,8	1,50	0,25	6,76
117	SI16048	0160	TRẦN BÙI THU	HÀ	12SI	Nữ	6,5	3,75	4,5	5,5	6,5	8				6,67	18,50	16,50	21,00	3,75	14,75	**21,00**	8,3	1,50	0,25	6,75
118	TO16054	0160	TRẦN ĐỨC	HẢI	12TO	Nam	8,5	4,25	3	8	5,5	3,5				5,67	22,00	19,50	17,50	4,25	15,75	**22,00**	8,3	1,50	0,25	6,75
119	TO16159	0161	NGUYỄN NGỌC	SƠN	12TO	Nam	8,5	3,25	5	8,5	7	4				6,50	24,00	22,00	19,50	3,25	16,75	**24,00**	8,1		0,25	6,75
120	HO16026	0160	PHẠM HỮU	DU	12HO	Nam	6	5	3,5	6,5	6	8				6,83	18,50	16,00	20,00	5,00	14,50	**20,00**	8	2,00	0,25	6,73
121	SI16184	0161	NGUYỄN THỊ	THU	12SI	Nữ	6,5	3,75	6	6,5	6,5	4				5,67	19,50	19,00	17,00	3,75	16,25	**19,50**	7,9	1,50	0,25	6,72

STT	Mã Hs		Họ đệm	Tên	Lớp	GT	Toán	Văn	Anh	KHTN			KHXH			TBM tổ hợp	Theo khối thi						TB HKI	KK Nghề	ƯT	Xét TN theo năm 2019
										Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa	GD CD		A	A1	B	C	D1	MAX				
122	LY16147	0161	VÕ NHẬT	PHÚC	12LY	Nam	4,5	6,25	6	7	4,5	3				4,83	16,00	17,50	12,00	6,25	16,75	**17,50**	7,8	2,00	0,25	6,72
123	LY16130	0161	NGUYỄN THẢO	NGUYÊN	12LY	Nữ	6,5	6,5	4	6,5	2,5	5				4,67	15,50	17,00	14,00	6,50	17,00	**17,00**	8	1,50	0,25	6,70
124	HO16099	0160	LƯƠNG THỊ HOÀNG	LINH	12HO	Nữ	6	6,75	3	6,5	7,5	3,5				5,83	20,00	15,50	17,00	6,75	15,75	**20,00**	8	1,50	0,25	6,69
125	SI16082	0160	NGUYỄN THỊ THANH	HUYỀN	12SI	Nữ	6,5	6	3,5	4,5	5	5,5				5,00	16,00	14,50	17,00	6,00	16,00	**17,00**	8	2,00	0,25	6,68
126	TO16053	0160	NGUYỄN DUY	HẢI	12TO	Nam	8,5	3,5	6	6	2	3				3,67	16,50	20,50	13,50	3,50	18,00	**20,50**	7,9	1,50	0,25	6,67
127	TO16212	0162	TRẦN THỊ KIỀU	TRINH	12TO	Nữ	7,5	3,5	4	8	6	4,5				6,17	21,50	19,50	18,00	3,50	15,00	**21,50**	7,9	2,00	0,25	6,67
128	SI16020	0160	NGUYỄN VĨNH	BẢO	12SI	Nam	5	5,5	5	4,5	5,5	7,5				5,83	15,00	14,50	18,00	5,50	15,50	**18,00**	7,8	2,00	0,25	6,67
129	VA16204	0162	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	12VA	Nữ	4	7,75	3				4	9	5	6,00	4,00	7,00	4,00	20,75	14,75	**20,75**	9,3		0,25	6,67
130	TI16215	0162	TRẦN NGUYÊN	TRUNG	12TI	Nam	7	4	7,5	7	3,5	4				4,83	17,50	21,50	14,50	4,00	18,50	**21,50**	7,7		0,25	6,64
131	TO16055	0160	NGUYỄN TRỌNG	HẢI	12TO	Nam	7	4	4	6,5	5,5	5				5,67	19,00	17,50	17,50	4,00	15,00	**19,00**	8	2,00	0,25	6,62
132	LY16226	0162	ĐỖ THẾ	VĂN	12LY	Nam	7	4	5	7	3,5	4,5				5,00	17,50	19,00	15,00	4,00	16,00	**19,00**	7,8	2,00	0,25	6,62
133	LY16222	0162	PHÙNG VĂN	TÙNG	12LY	Nam	7,5	4,25	3	7,5	6	4				5,83	21,00	18,00	17,50	4,25	14,75	**21,00**	8	2,00	0,25	6,60
134	SI16009	0160	BÙI VÂN	ANH	12SI	Nữ	6	5,25	4,5	4,5	5	5,5				5,00	15,50	15,00	16,50	5,25	15,75	**16,50**	7,9	2,00	0,25	6,60
135	SI16223	0162	PHẠM THANH	TÙNG	12SI	Nam	8	3,5	4	4	8	7,5				6,50	20,00	16,00	23,50	3,50	15,50	**23,50**	8,3		0,25	6,59
136	LY16153	0161	NGUYỄN QUỐC	QUYỀN	12LY	Nam	6,5	4,5	3,5	7	4,5	6				5,83	18,00	17,00	17,00	4,50	14,50	**18,00**	8,1	2,00	0,25	6,59
137	SI16088	0160	ĐÀO THIÊN	HƯƠNG	12SI	Nữ	6,5	6	3	6	5	4,5				5,17	17,50	15,50	16,00	6,00	15,50	**17,50**	7,9	2,00	0,25	6,59
138	LY16090	0160	TRẦN NGUYÊN	KHOA	12LY	Nam	5	6	5,5	7	3	4,5				4,83	15,00	17,50	12,50	6,00	16,50	**17,50**	7,5	2,00	0,25	6,58
139	SI16162	0161	NGUYỄN MỸ	TÂN	12SI	Nữ	5,5	6,5	4,5	7,5	4,5	4,5				5,50	17,50	17,50	14,50	6,50	16,50	**17,50**	8,2		0,25	6,56
140	VA16152	0161	PHẠM THỊ	PHƯỢNG	12VA	Nữ	5	6,5	3,5				6	6,5	5,5	6,00	5,00	8,50	5,00	19,00	15,00	**19,00**	7,6	2,00	0,25	6,56
141	SI16163	0161	NGUYỄN THỊ CẨM	THẠCH	12SI	Nữ	6,5	4,75	3,5	3,5	5,5	6,5				5,17	15,50	13,50	18,50	4,75	14,75	**18,50**	8,2	2,00	0,25	6,55
142	SI16028	0160	NGUYỄN THỊ	DUNG	12SI	Nữ	6,5	5	3,5	5	5,5	5				5,17	17,00	15,00	17,00	5,00	15,00	**17,00**	8	2,00	0,25	6,53
143	SI16199	0161	HÀ THỊ THU	TRANG	12SI	Nữ	6,5	5	3	6	6	5,5				5,83	18,50	15,50	18,00	5,00	14,50	**18,50**	7,9	2,00	0,25	6,53
144	TO16187	0161	NGUYỄN VĂN HÀN	THUYỀN	12TO	Nam	8	2,5	2	8,5	7	5,5				7,00	23,50	18,50	20,50	2,50	12,50	**23,50**	8,3	2,00	0,25	6,50
145	SI16119	0161	HUỲNH BÁ	NGHĨA	12SI	Nam	7	2,75	3	4,5	4,5	7,5				5,50	16,00	14,50	19,00	2,75	12,75	**19,00**	9,3	1,50	0,25	6,50
146	SI16101	0161	SƠ THỊ NGỌC	LOAN	12SI	Nữ	7	5,5	3,5	5,5	5,5	5,5				5,50	18,00	16,00	18,00	5,50	16,00	**18,00**	8,1		0,25	6,44
147	LY16136	0161	PHAN THỊ YẾN	NHI	12LY	Nữ	6,5	3,75	4,5	6,5	4	4,5				5,00	17,00	17,50	15,00	3,75	14,75	**17,50**	7,9	2,00	0,25	6,43
148	TO16232	0162	PHẠM VĂN	VỮNG	12TO	Nam	7	4,75	4	6	3,5	4				4,50	16,50	17,00	14,50	4,75	15,75	**17,00**	7,9	1,50	0,25	6,43
149	LY16077	0160	TRẦN ĐĂNG	HUY	12LY	Nam	4,5	5,25	5,5	6,5	2,5	5				4,67	13,50	16,50	12,00	5,25	15,25	**16,50**	7,8	2,00	0,25	6,43
150	LY16118	0161	HÀ TRỌNG	NGHĨA	12LY	Nam	6	5,75	3,5	6,5	4,5	4,5				5,17	17,00	16,00	15,00	5,75	15,25	**17,00**	7,8	1,50	0,25	6,43
151	HO16023	0160	VÕ TRẦN	CHÍ	12HO	Nam	6,5	4,5	4	5,5	5,5	4				5,00	17,50	16,00	16,00	4,50	15,00	**17,50**	8	1,50	0,25	6,41
152	TI16151	0161	TRẦN ĐOÀN	PHƯƠNG	12TI	Nam	5	2,25	6	5	3	4				4,00	13,00	16,00	12,00	2,25	13,25	**16,00**	9,3	2,00	0,25	6,41
153	TI16156	0161	TẠ QUANG	SANG	12TI	Nam	7,5	3,25	3	8	5	4,5				5,83	20,50	18,50	17,00	3,25	13,75	**20,50**	7,9	2,00	0,25	6,40
154	SI16219	0162	PHẠM ANH	TUẤN	12SI	Nam	3,5	6,75	3				7	8,5	5	6,83	3,50	6,50	3,50	22,25	13,25	**22,25**	7,5	2,00	0,25	6,36
155	LY16096	0160	PHẠM QUANG	LINH	12LY	Nam	5,5	5,5	3	6,5	5,5	4				5,33	17,50	15,00	15,00	5,50	14,00	**17,50**	7,9	2,00	0,25	6,35
156	HO16114	0161	TRẦN HUY	NAM	12HO	Nam	8	2,75	3,5	6	6,5	4,5				5,67	20,50	17,50	19,00	2,75	14,25	**20,50**	7,8	1,50	0,25	6,34
157	LY16131	0161	ĐỖ THỊ HẠNH	NGUYÊN	12LY	Nữ	4,5	6,5	3,5	7,5	3	3				4,50	15,00	15,50	10,50	6,50	14,50	**15,50**	8	2,00	0,25	6,33
158	HO16050	0160	TRẦN THU	HÀ	12HO	Nữ	5	7,5	4				4	7	6,5	5,83	5,00	9,00	5,00	18,50	16,50	**18,50**	7,2		0,25	6,32
159	TI16200	0162	HOÀNG THÙY	TRANG	12TI	Nữ	7	3,75	3	5	4	5,5				4,83	16,00	15,00	16,50	3,75	13,75	**16,50**	8,2	2,00	0,25	6,31
160	HO16033	0160	PHAN QUANG	ĐẠT	12HO	Nam	6		7,5				3,5	6,5	5,5	5,17	6,00	13,50	6,00	10,00	13,50	**13,50**	8,1	2,00	0,25	6,30
161	HO16087	0160	NGUYỄN THỊ THU	HƯƠNG	12HO	Nam	5,5	6	3	3	8	3				4,67	16,50	11,50	16,50	6,00	14,50	**16,50**	7,8	2,00	0,25	6,29
162	HO16191	0161	TRƯƠNG QUANG	TÍN	12HO	Nam	5	2,75	6	6	6,5	3,5				5,33	17,50	17,00	15,00	2,75	13,75	**17,50**	7,8	2,00	0,25	6,28
163	LY16066	0160	HOÀNG MINH	HIẾU	12LY	Nam	6,5	4,5	3,5	6	3,5	3,5				4,33	16,00	16,00	13,50	4,50	14,50	**16,00**	7,9	2,00	0,25	6,27

STT	Mã Hs		Họ đệm	Tên	Lớp	GT	Toán	Văn	Anh	KHTN			KHXH			TBM tổ hợp	Theo khối thi						TB HKI	KK Nghề	ƯT	Xét TN theo năm 2019
										Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa	GD CD		A	A1	B	C	D1	MAX				
164	TI16211	0162	NGUYỄN ĐỨC	TRÍ	12TI	Nam	6,5	4,75	3,5	5,5	3,5	5				4,67	15,50	15,50	15,00	4,75	14,75	15,50	7,5	2,00	0,25	6,25
165	VA16046	0160	PHẠM THƯƠNG	GIANG	12VA	Nữ	4,5	7,75	3				4,5	6,5	5,5	5,50	4,50	7,50	4,50	18,75	15,25	18,75	6,7	2,00	0,25	6,24
166	HO16014	0160	ĐINH TUẤN	ANH	12HO	Nam	5,5	3,75	5,5	5	6	4				5,00	16,50	16,00	15,50	3,75	14,75	16,50	7,4	1,50	0,25	6,19
167	LY16179	0161	TRẦN MẠNH	THẮNG	12LY	Nam	7	3	4	5,5	6	4				5,17	18,50	16,50	17,00	3,00	14,00	18,50	7,4	2,00	0,25	6,17
168	HO16158	0161	NGUYỄN HỒNG	SƠN	12HO	Nam	6,5	3	4	5	6,5	5				5,50	18,00	15,50	18,00	3,00	13,50	18,00	7,4	2,00	0,25	6,15
169	SI16060	0160	PHAN THỊ	HẠNH	12SI	Nữ	5,5	3,75	3,5	5	3,5	7				5,17	14,00	14,00	16,00	3,75	12,75	16,00	7,9	2,00	0,25	6,11
170	VA16236	0162	TRẦN THỊ HẢI	YẾN	12VA	Nữ	5,5	6,25	2,5				3	6	4,5	4,50	5,50	8,00	5,50	15,25	14,25	15,25	7,4	2,00	0,25	6,10
171	LY16135	0161	HUỲNH LÊ UYÊN	NHI	12LY	Nữ	6,5	3,25	4,5	5,5	5	3				4,50	17,00	16,50	14,50	3,25	14,25	17,00	7,6	1,50	0,25	6,07
172	TI16024	0160	HOÀNG VĂN	CHIỀU	12TI	Nam	6	3,25	3	5,5	5,5	5,5				5,50	17,00	14,50	17,00	3,25	12,25	17,00	7,6	2,00	0,25	5,99
173	SI16116	0161	TRẦN THỊ HOÀNG	NGÂN	12SI	Nữ	5,5	4,25	3,5	4,5	5	6,5				5,33	15,00	13,50	17,00	4,25	13,25	17,00	7,4	1,50	0,25	5,98
174	LY16197	0161	PHẠM THỊ KIỀU	TRANG	12LY	Nữ	8	3	4	6	2	4				4,00	16,00	18,00	14,00	3,00	15,00	18,00	7,8		0,25	5,92
175	HO16125	0161	NGÔ BÁ	NGUYÊN	12HO	Nữ	7		4	6,5	5	4,5				5,33	18,50	17,50	16,50	0,00	11,00	18,50	7,6	2,00	0,25	5,74
176	SI16145	0161	TRƯƠNG THỊ KIỀU	OANH	12SI	Nữ	7		4	5,5	3,5	4,5				4,50	16,00	16,50	15,00	0,00	11,00	16,50	7,8	2,00	0,25	5,65
177	LY16113	0161	LÊ SỸ	NAM	12LY	Nam	5	2,5	3,5	7	4,5	4				5,17	16,50	15,50	13,50	2,50	11,00	16,50	7,6	1,50	0,25	5,62
178	HO16072	0160	LÊ VIỆT	HOÀNG	12HO	Nam	5	4,25	2	6,5	6,5	4				5,67	18,00	13,50	15,50	4,25	11,25	18,00	7,1	1,50	0,25	5,60
179	LY16168	0161	NGUYỄN TRÍ	THANH	12LY	Nam	4,5	2,5	5	6,5	3	5				4,83	14,00	16,00	12,50	2,50	12,00	16,00	8		0,25	5,60
180	TI16042	0160	HOÀNG VÕ CÔNG	ĐỨC	12TI	Nam	5	2,75	4,5	5	2	5				4,00	12,00	14,50	12,00	2,75	12,25	14,50	7,1	2,00	0,25	5,57
181	HO16065	0160	TRẦN MINH	HIẾU	12HO	Nam	4,5	4,5	5	5,5	5	3				4,50	15,00	15,00	12,50	4,50	14,00	15,00	6,9		0,25	5,56
182	LY16073	0160	NÔNG THỊ	HỢP	12LY	Nữ	6,5		3	6,5	5	4,5				5,33	18,00	16,00	16,00	0,00	9,50	18,00	7,9	1,50	0,25	5,48
183	LY16198	0161	NGUYỄN TRẦN THÙY	TRANG	12LY	Nữ	5	3,5	3	5,5	3,5	3				4,00	14,00	13,50	11,50	3,50	11,50	14,00	7,5	1,50	0,25	5,48
184	TI16216	0162	PHẠM ĐỨC	TRUYỀN	12TI	Nam		3,75	6	6,5	4	4,5				5,00	10,50	12,50	8,50	3,75	9,75	12,50	7,9	1,50	0,25	5,46
185	SI16127	0161	HUỲNH THỊ NGỌC	NGUYÊN	12SI	Nữ	6,5		4,5	4	4,5	5				4,50	15,00	15,00	16,00	0,00	11,00	16,00	7,4	1,50	0,25	5,45
186	VA16100	0161	PHẠM THỊ PHƯƠNG	LINH	12VA	Nữ		7,25					7,5	8,5	6,5	7,50	0,00	0,00	0,00	23,25	7,25	23,25	7,5	2,00	0,25	5,43
187	AN16166	0161	TRẦN THỊ HUYỀN	THANH	12AN	Nữ		8					3	6	7	5,33	0,00	0,00	0,00	17,00	8,00	17,00	8	2,00	0,25	5,33
188	TO16149	0161	DƯƠNG VĂN	PHƯỚC	12TO	Nam	2	3,25		6,5	4	5				5,17	12,50	8,50	11,00	3,25	5,25	12,50	8,2	2,00	0,25	4,88
189	LY16129	0161	NGUYỄN HÀ	NGUYÊN	12LY	Nam		3		4,5	2,5	4				3,67	7,00	4,50	6,50	3,00	3,00	7,00	7,9	2,00	0,25	4,14
190	AN16003	0160	LÊ TRÚC HOÀNG	ANH	12AN	Nữ	7	8	9							#####	7,00	16,00	7,00	8,00	24,00	24,00	8,1	1,50	0,25	#DIV/0!
191	AN16227	0162	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	VÂN	12AN	Nữ	5,5		9,5							#####	5,50	15,00	5,50	0,00	15,00	15,00	9,2	2,00	0,25	#DIV/0!
192	LY16069	0160	NGUYỄN THỊ	HOA	12LY	Nữ	8,5	7,5	6,5							#####	8,50	15,00	8,50	7,50	22,50	22,50	8,1	2,00	0,25	#DIV/0!
193	SI16120	0161	NGUYỄN PHÚC	NGHĨA	12SI	Nam	4,5	6,25	3							#####	4,50	7,50	4,50	6,25	13,75	13,75	7,4	2,00	0,25	#DIV/0!
194	TO16056	0160	NGUYỄN TUẤN	HẢI	12TO	Nam	7	6,5	2,5							#####	7,00	9,50	7,00	6,50	16,00	16,00	7,9	2,00	0,25	#DIV/0!
195	VA16186	0161	HOÀNG THỊ	THÚY	12VA	Nữ	5,5	8,25	3							#####	5,50	8,50	5,50	8,25	16,75	16,75	7,2	2,00	0,25	#DIV/0!
196	AN16006	0160	LÊ NGỌC TÚ	ANH	12AN	Nữ										#####	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	9,2	2,00	0,25	#DIV/0!
197	AN16057	0160	ĐẶNG THỊ	HẠNH	12AN	Nữ										#####	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	7,6	2,00	0,25	#DIV/0!
198	SI16237	0162	PHÙNG THỊ THU	YẾN	12SI	Nữ										#####	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	7,3	2,00	0,25	#DIV/0!
199	LY16059	0160	NGUYỄN THỊ	HẠNH	12LY	Nữ										#####	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	7,8	1,50	0,25	#DIV/0!
200	LY16122	0161	ĐỖ MINH	NGỌC	12LY	Nam										#####	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	7,9	2,00	0,25	#DIV/0!
201	LY16167	0161	HỒ THỊ	THANH	12LY	Nữ										#####	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	7,5	1,50	0,25	#DIV/0!
202	SI16124	0161	NGÔ THỊ	NGỌC	12SI	Nữ										#####	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	8	2,00	0,25	#DIV/0!
203	TI16161	0161	ĐỖ ĐỨC	TÂM	12TI	Nam										#####	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	9,3	1,50	0,25	#DIV/0!
204	VA16078	0160	VÕ THỊ MINH	HUYỀN	12VA	Nữ										#####	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	7,3	1,50	0,25	#DIV/0!

STT	Mã Hs	Họ đệm	Tên	Lớp	GT	Toán	Văn	Anh	KHTN			KHXH			TBM tổ hợp	Theo khối thi						TB HKI	KK Nghề	ƯT	Xét TN theo năm 2019
									Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa	GD CD		A	A1	B	C	D1	MAX				
				TB toàn trường		**6,56**	**5,87**	**5,20**	**6,32**	**5,14**	**4,82**	**4,92**	**7,39**	**6,54**							**19,81**				
				12 Toán		7,61	4,95	5,38	7,00	5,31	4,55										20,97				
				12 Lý		6,30	4,88	4,30	6,56	4,24	4,15	3,50	7,00	6,50							16,09				
				12 Hóa		6,50	5,48	4,61	6,07	6,66	4,93	5,17	7,00	6,00							19,56				
				12 Sinh		6,29	5,93	4,36	5,56	5,17	5,85	5,00	7,90	6,00							17,89				
				12 Tin		6,25	4,98	4,67	5,91	3,91	4,82	5,75	7,38	7,25							17,11				
				12 Van		5,90	7,82	4,90				5,29	7,56	6,35							20,28				
				12 Anh		6,75	7,00	8,29	6,70	4,10	4,40	4,07	7,03	6,97							20,07				
						Toán	Văn	Anh	Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa	GD							Theo khối				